

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1016** /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **16** tháng **10** năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Thống kê Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102- SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Thống kê Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Thống kê Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (nhiệm kỳ 2012 - 2017) của Hội thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2012 tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Thống kê Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCPCP, N.

KT. BỘ TRƯỞNG
CHỦ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dĩnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI THỐNG KÊ VIỆT NAM

*(Ban hành theo Quyết định số 1016 /QĐ-BNV
ngày 16 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Thống kê Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Statistical Association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VSA.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Thống kê Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực thống kê.
2. Hội Thống kê Việt Nam là thành viên của Liên hiệp Các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

3. Mục đích hoạt động của Hội nhằm tập hợp, đoàn kết những công dân Việt Nam đã và đang hoạt động trong lĩnh vực thống kê vì sự phát triển nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nghiệp vụ chuyên môn; giữ vững phẩm chất nghề nghiệp, góp phần thực hiện tốt nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê là bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời và các nguyên tắc khác có liên quan theo quy định của pháp luật; đồng thời đóng góp công sức, trí tuệ cho sự nghiệp phát triển ngành thống kê Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Hội tổ chức, hoạt động tuân thủ Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành khác về lĩnh vực Hội hoạt động.

3. Hội hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, tự quản, không vì mục đích lợi nhuận, tự trang trải kinh phí hoạt động và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Hội.

Điều 4. Phạm vi hoạt động, trụ sở và địa vị pháp lý của Hội

1. Hội hoạt động trong phạm vi cả nước.

2. Trụ sở chính đặt tại Hà Nội. Khi cần Hội được thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc, các chi hội, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Hội có tư cách pháp nhân, có biểu tượng, con dấu và tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI

Điều 5. Nhiệm vụ

1. Tập hợp, đoàn kết, động viên hội viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thống kê và giữ vững phẩm chất nghề nghiệp nhằm góp phần tôn vinh nghề thống kê và nâng cao uy tín, vị thế của ngành thống kê Việt Nam.

2. Tư vấn và tham gia phản biện, giám định việc xây dựng, bổ sung, sửa đổi, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các chương trình, dự án về thống kê và về các lĩnh vực kinh tế - xã hội khi được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu, đề nghị theo quy định của pháp luật.

3. Mở rộng mối quan hệ và hợp tác với các đơn vị của Tổng cục Thống kê; với thống kê các Bộ, ngành và địa phương; với tổ chức thống kê của các nước, các tổ chức thống kê quốc tế và với các tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài nước tiến hành các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn theo quy định của pháp luật.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp của hội viên theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền hạn

1. Được tham gia vào việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến thống kê, đồng thời được tổ chức hoặc phối hợp với các

cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến các văn bản này khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

2. Được tổ chức và phối hợp với các cơ quan thống kê ở Trung ương cũng như ở địa phương triển khai các hoạt động của hệ thống thống kê nhà nước khi được cơ quan thống kê nhà nước ủy quyền hoặc đề nghị phối hợp.

3. Được mở rộng quan hệ hợp tác, tham gia hội thảo, nghiên cứu khoa học và thực hiện các hoạt động khác liên quan đến thống kê; được gia nhập làm thành viên của các tổ chức nghề nghiệp trong nước, trong khu vực và trên thế giới theo luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế.

4. Được nhận tài trợ, nhận ủng hộ về tài chính, vật chất, tinh thần, nhận trợ giúp kỹ thuật và trợ giúp nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của cơ quan nhà nước, của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hội được lập quỹ từ nguồn hội phí, nguồn tài trợ, nguồn trích nộp từ các hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, dịch vụ, kinh doanh và các nguồn thu khác của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Được tổ chức hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, xuất bản và phát hành sách, báo, tạp chí, tài liệu chuyên môn, trang tin điện tử và các sản phẩm thông tin thống kê; đồng thời được tổ chức các hoạt động dịch vụ thống kê theo quy định của pháp luật.

6. Được thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Khi tổ chức Đại hội; thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch; thay đổi trụ sở; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thành lập các pháp nhân thuộc Hội phải theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Hàng năm phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

5. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành Hội.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hình thức hội viên và tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức:

a) Công dân Việt Nam đang công tác trong ngành thống kê hoặc đang giữ vị trí công tác có liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn thống kê trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện gia nhập Hội đều có thể trở thành hội viên chính thức của Hội;

b) Công dân Việt Nam đang nghỉ hưu, nhưng trước đây đã từng làm thống kê hoặc đã từng giữ vị trí công tác có liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn thống kê trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có đủ sức khỏe, tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện gia nhập Hội đều có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên liên kết và hội viên danh dự: Công dân Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội công nhận là hội viên liên kết hoặc hội viên danh dự. Hội viên liên kết và hội viên danh dự có quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội.

Điều 9. Thủ tục kết nạp hội viên chính thức và hội viên liên kết

Người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này muốn trở thành hội viên chính thức hoặc hội viên liên kết của Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu do Ban Chấp hành Hội quy định). Ban Chấp hành Hội xem xét, chấp thuận đơn gia nhập của công dân vào Hội và được Chủ tịch ký quyết định kết nạp hội viên mới.

Điều 10. Xóa tên hội viên

1. Hội viên bị xóa tên trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp thống kê, vi phạm Điều lệ Hội, gây thiệt hại đến uy tín của Hội;

b) Có nguyện vọng xin thôi sinh hoạt Hội;

c) Chết hoặc mất tích.

2. Thủ tục xóa tên:

a) Việc xóa tên hội viên do Ban Thường vụ Hội xem xét đề nghị Chủ tịch Hội ra quyết định;

b) Khi hội viên có quyết định xóa tên, Văn phòng Hội có trách nhiệm thông báo công khai theo quy định trong Quy chế hoạt động của Hội.

Điều 11. Nhiệm vụ của hội viên

1. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chủ trương, chính sách của Nhà nước; Điều lệ, nội quy, quy chế và các nghị quyết, quyết định của Hội.

2. Tích cực tham gia hoạt động Hội và sinh hoạt Hội đều đặn. Hội viên chính thức và hội viên liên kết phải đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Hội.

3. Không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ, khả năng về mọi mặt, đặc biệt là trình độ nghiệp vụ chuyên môn thống kê.

4. Giữ gìn và đề cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp thống kê.

5. Nâng cao uy tín nghề nghiệp thống kê; tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của Hội; bảo vệ danh dự và lợi ích của Hội; vận động hội viên hưởng ứng các hoạt động của Hội và tham gia tích cực vào việc phát triển hội viên mới cho Hội.

Điều 12. Quyền của hội viên

1. Được trực tiếp tham gia các hoạt động của Hội, được ủy quyền cho hội viên khác thực hiện các quyền của mình.

2. Được cung cấp các thông tin về việc ban hành, bổ sung, sửa đổi các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước thuộc lĩnh vực thống kê; được kiến nghị Hội đề nghị với các cơ quan nhà nước ban hành, bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp quy liên quan đến thống kê nói chung và đến hoạt động của Hội nói riêng.

3. Được Hội bảo trợ, tạo điều kiện để thực hiện các sáng kiến, cải tiến nghiệp vụ chuyên môn, nghiên cứu các đề tài khoa học và tham gia các chương trình, dự án liên quan đến nghiệp vụ thống kê; được tham dự các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật kiến thức thống kê do Hội tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

4. Được quyền yêu cầu Hội bảo vệ lợi ích hợp pháp của cá nhân hội viên trong hoạt động nghề nghiệp khi bị xâm phạm và được xin ra khỏi Hội khi xét thấy không đủ điều kiện hoặc không muốn tiếp tục tham gia Hội.

5. Được cấp thẻ hội viên theo quy định của pháp luật.

6. Được khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong công tác Hội.

Chương IV TỔ CHỨC HỘI

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc.

2. Ban Chấp hành Hội.

3. Ban Thường vụ Hội.

4. Ban Kiểm tra Hội.

5. Văn phòng, cơ quan ngôn luận và các ban chuyên môn của Hội.

6. Chi hội, các tổ chức trực thuộc Hội (việc thành lập các tổ chức theo quy định của pháp luật).

Điều 14. Đại hội đại biểu toàn quốc

1. Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, do Ban Chấp hành triệu tập 05 (năm) năm một lần với sự tham gia ít nhất của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức và phải được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Số lượng đại biểu và tỷ lệ phân bổ đại biểu dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội quyết định. Trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành Hội có thể triệu tập Đại hội bất thường, nhưng phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội đề nghị.

2. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ vừa qua và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ tới;

b) Thảo luận và thông qua những nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Hội (nếu có);

c) Thông qua báo cáo thu, chi tài chính trong nhiệm kỳ vừa qua và kế hoạch thu, chi tài chính nhiệm kỳ tới;

d) Quyết định số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra nhiệm kỳ mới;

đ) Quyết định những vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội phải được ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành Hội

1. Các thành viên của Ban Chấp hành Hội là những người có trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm quản lý, điều hành; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có tâm huyết với nghề thống kê và có uy tín cao.

2. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ Đại hội. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành là 05 (năm) cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Hội họp mỗi năm 02 (hai) lần với sự tham gia ít nhất của trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội có thể triệu tập họp bất thường với điều kiện phải có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội đề nghị. Ban Chấp hành Hội hoạt động theo nguyên tắc tập thể, thiểu số phục tùng đa số. Các quyết định của Ban Chấp hành Hội chỉ có giá

trị khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành có mặt tán thành.

3. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành Hội:

a) Bầu và bãi miễn các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên Ban Thường vụ ;

b) Triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Hội và các nghị quyết khác của Hội;

c) Thông qua báo cáo tổng kết công tác của Hội hàng năm và kế hoạch công tác cho năm tới;

d) Chuẩn bị các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội;

đ) Tổ chức các kỳ sinh hoạt hội viên, triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc theo nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường ;

e) Trong trường hợp cần thiết, nếu có 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành yêu cầu thì Ban Chấp hành bầu bổ sung hội viên vào Ban Chấp hành Hội, số lượng ủy viên được bầu bổ sung không quá 10% (mười phần trăm) tổng số ủy viên của Ban Chấp hành Hội đã được Đại hội quyết định.

Điều 16. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Hội có nhiệm kỳ 5 (năm) năm theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội.

2. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số ủy viên của Ban Thường vụ Hội không quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên của Ban Chấp hành Hội.

3. Ban Thường vụ Hội họp 03 (ba) tháng một lần với sự tham gia ít nhất của trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ. Các quyết định của Ban Thường vụ Hội chỉ có giá trị khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ có mặt tán thành. Khi cần, Chủ tịch Hội có thể triệu tập họp bất thường khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ đề nghị hoặc tán thành.

4. Ban Thường vụ có nhiệm vụ:

a) Điều hành thực hiện các nghị quyết của Đại hội và nghị quyết của Ban Chấp hành Hội;

b) Quyết định tổ chức, nhân sự Văn phòng, cơ quan ngôn luận, chi hội và các ban chuyên môn của Hội;

c) Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội.

2. Điều hành việc triển khai các nghị quyết của Đại hội, Hội nghị Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội.

3. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và các cuộc họp khác của Hội.

4. Thay mặt Ban Thường vụ Hội ký các quyết định thành lập các cơ quan, tổ chức và đơn vị trực thuộc Hội, quyết định bổ nhiệm chức danh, quyết định tuyển dụng cán bộ, quyết định kết nạp hội viên mới và xóa tên hội viên, quyết định ban hành các quy chế hoạt động của Hội, quy định chế độ phụ cấp cán bộ Văn phòng Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 18. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội là người giúp việc Chủ tịch Hội và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội về nhiệm vụ được giao.

2. Trong các Phó Chủ tịch, có một Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội.

Điều 19. Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội

Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội là người giúp Chủ tịch Hội thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của Văn phòng Hội;

2. Thay mặt Chủ tịch Hội điều hành hoạt động của Hội khi được Chủ tịch Hội ủy quyền;

3. Ký các văn bản theo sự ủy quyền của Chủ tịch Hội.

Điều 20. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay. Ban Kiểm tra Hội gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu cần) và một số uỷ viên do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra là 05 (năm) năm cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Trưởng Ban Kiểm tra phải là uỷ viên Ban Chấp hành Hội.

2. Ban Kiểm tra Hội có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc và các nghị quyết của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội ;

b) Kiểm tra tài chính của Hội và hoạt động của Hội; giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến hội viên và các đơn vị thuộc Hội;

c) Báo cáo Ban Thường vụ về kết quả kiểm tra và đề nghị hình thức khen thưởng hoặc kỷ luật theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật để Ban Thường vụ xem xét, xử lý.

Điều 21. Văn phòng Hội

1. Văn phòng Hội là cơ quan chuyên trách trực thuộc Ban Chấp hành và do Ban Chấp hành Hội quyết định thành lập. Văn phòng Hội có nhiệm vụ thực hiện các công việc hành chính; quản lý tài sản, tài chính của Hội; tổ chức và hoạt động theo quy chế được Ban Chấp hành phê duyệt. Văn phòng Hội có trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về tổ chức, hoạt động và tài chính của Hội.

2. Văn phòng Hội do Tổng thư ký Hội trực tiếp quản lý, điều hành.

Điều 22. Ban chuyên môn của Hội

1. Tổ chức, nhân sự các ban chuyên môn của Hội do Ban Thường vụ Hội quyết định. Mỗi ban chuyên môn có Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và một số ủy viên.

2. Nhiệm vụ cụ thể của từng ban chuyên môn do Ban Thường vụ Hội quyết định.

Điều 23. Chi hội

1. Chi hội được thành lập ở các Bộ, ngành; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các trường, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức khác liên quan đến công tác thống kê có từ 10 hội viên chính thức trở lên, trường hợp đặc biệt có thể dưới 10 hội viên. Việc thành lập chi hội do Ban Thường vụ Hội xem xét quyết định.

2. Chi hội có trách nhiệm:

a) Quản lý hội viên, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chương trình công tác của Hội;

b) Tập hợp, phản ánh các nguyện vọng, kiến nghị của hội viên với lãnh đạo Hội;

c) Mỗi chi hội được bầu Ban Chấp hành chi hội (Chi hội trưởng, Chi hội phó và một số ủy viên). Số lượng ủy viên Ban Chấp hành chi hội từ 03 (ba) đến 05 (năm) người. Nếu chi hội có số hội viên dưới 10 người chỉ bầu Chi hội trưởng;

d) Thực hiện quy chế về tổ chức và hoạt động của chi hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Điều 24. Cán bộ, nhân viên thuộc các cơ quan, tổ chức của Hội

1. Cán bộ, nhân viên làm việc thường xuyên hoặc theo vụ việc trong các cơ quan, tổ chức của Hội được Hội ký hợp đồng, được hưởng lương theo quy định của Bộ luật Lao động và theo quy định trong Quy chế hoạt động của Hội.

2. Các thành viên Ban Chấp hành Hội, Ban Thường vụ Hội và các chức danh khác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp theo công việc được giao. Mức phụ cấp cụ thể do Ban Thường vụ Hội quyết định.

Điều 25. Giải thể Hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp sau:

a) Tự giải thể: Hội tự giải thể khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị;

b) Bị giải thể: Hội bị giải thể khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể Hội.

2. Trình tự, thủ tục giải thể Hội, việc giải quyết tài sản, tài chính của Hội khi giải thể thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương V

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 26. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm tài sản tự có của Hội; tài sản do cơ quan nhà nước và các tổ chức, các cá nhân hỗ trợ.

2. Tài sản của Hội giao cho Văn phòng Hội quản lý, bảo vệ và sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích có hiệu quả theo quy định của pháp luật và quy định của Hội.

Điều 27. Thu, chi tài chính của Hội

1. Nguồn thu của Hội:

- Hội phí của Hội viên;
- Thu từ hoạt động nghiệp vụ của Hội;
- Các khoản tài trợ từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Các khoản chi của Hội:

- Chi cho các hoạt động do Hội tổ chức hoặc tham gia;
- Chi phí hành chính;
- Trả lương, phụ cấp cho cán bộ, nhân viên Văn phòng Hội, cán bộ lãnh đạo và phụ trách các ban chuyên môn, nghiệp vụ của Hội;
- Chi phí mua sắm trang thiết bị và phương tiện làm việc cho lãnh đạo Hội và Văn phòng Hội;

- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Quản lý tài sản, tài chính của Hội

1. Tài sản, tài chính của Hội được quản lý theo Quy chế hoạt động của Hội phù hợp với chế độ quản lý tài chính của Nhà nước. Tất cả tài sản, thu, chi tài chính của Hội đều phải được thể hiện đầy đủ trên sổ sách kế toán của Hội.

2. Hàng năm, Hội phải lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành. Báo cáo tài chính hàng năm của Hội phải được báo cáo công khai trước Ban Thường vụ Hội và Hội nghị Ban Chấp hành Hội. Báo cáo tài chính cả nhiệm kỳ phải được báo cáo công khai trước Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội.

3. Khi Hội giải thể việc giải quyết tài sản, tài chính của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Khen thưởng

1. Hội viên và các tổ chức của Hội có thành tích được Hội khen thưởng hoặc đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và quy định của Hội.

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức không thuộc Hội nếu có nhiều đóng góp cho sự phát triển Hội được Hội khen thưởng.

3. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, thủ tục, tiêu chuẩn và hình thức khen thưởng.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Hội viên, cán bộ, nhân viên của Hội làm tổn hại đến uy tín, danh dự của Hội, làm trái với Điều lệ, nghị quyết của Hội hoặc vi phạm đạo đức nghề nghiệp thống kê thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm mà áp dụng các hình thức kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, cách chức đến khai trừ ra khỏi Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường thiệt hại về vật chất theo quy định của pháp luật. Hội viên vi phạm pháp luật bị khởi tố sẽ bị khai trừ ra khỏi danh sách hội viên.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Thống kê Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Thống kê Việt Nam gồm 07 (bảy) Chương, 32 (ba mươi hai) Điều, đã được Đại hội nhiệm kỳ lần thứ II của Hội Thống kê Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2012 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ. Bản Điều lệ này thay thế bản Điều lệ Hội Thống kê Việt Nam đã được Đại hội lần thứ I ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Hội thông qua.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Thống kê Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể và tổ chức thực hiện Điều lệ Hội./.